

## RESEARCH ON CURRENT SITUATION AND SOLUTIONS TO IMPROVE THE EFFECTIVENESS OF USING FOREIGN LANGUAGE LEARNING APPLICATIONS AND SOFTWARE OF CHINESE LANGUAGE STUDENTS, BAC GIANG UNIVERSITY OF AGRICULTURE AND FORESTRY

Tran Thi Phuong Thao\*, Nguyen Thi Kim Hue

Bac Giang Agriculture and Forestry University

ARTICLE INFO	ABSTRACT
<b>Received:</b> 26/5/2025	The emergence of software and applications has brought many conveniences to learning and teaching foreign languages. This study surveys the current situation and proposes solutions to improve the effectiveness of using software and foreign language learning applications of students majoring in Chinese language at Bac Giang Agriculture and Forestry University. With a sample size of 206 students and 4 lecturers, including 6 students and 4 lecturers participating in in-depth interviews, the study has shown that using software and foreign language learning applications brings many benefits, such as improving language skills and increasing learning motivation, thereby proposing specific solutions to improve the effectiveness of using foreign language learning applications and software. The results of the study help lecturers and students easily apply information technology in learning and teaching, helping to improve the effectiveness of foreign language learning and supporting students to achieve their learning goals.
<b>Revised:</b> 04/9/2025	
<b>Published:</b> 04/9/2025	
<b>KEYWORDS</b>	
The situation	
The solutions	
Chinese language	
Applications	
Software	

## NGHIÊN CỨU THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ VIỆC SỬ DỤNG CÁC PHẦN MỀM VÀ ỨNG DỤNG HỌC NGOẠI NGỮ CỦA SINH VIÊN NGÀNH NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC, TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG

Trần Thị Phương Thảo\*, Nguyễn Thị Kim Huệ

Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang

THÔNG TIN BÀI BÁO	TÓM TẮT
<b>Ngày nhận bài:</b> 26/5/2025	Sự ra đời của các công cụ số đã mang lại nhiều tiện ích cho việc học tập và giảng dạy ngoại ngữ. Nghiên cứu này khảo sát thực trạng và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng các phần mềm và ứng dụng học ngoại ngữ của sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc, Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang. Với mẫu nghiên cứu gồm 206 sinh viên và 4 giảng viên, trong đó có 6 sinh viên và 4 giảng viên tham gia phỏng vấn sâu, nghiên cứu đã chỉ ra rằng việc sử dụng phần mềm và ứng dụng học ngoại ngữ mang lại nhiều lợi ích, như cải thiện kỹ năng ngôn ngữ và tăng động lực học tập, từ đó đưa ra các giải pháp cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng. Kết quả nghiên cứu giúp giảng viên và sinh viên dễ dàng ứng dụng công nghệ thông tin vào trong học tập và giảng dạy, giúp nâng cao hiệu quả học ngoại ngữ và hỗ trợ sinh viên đạt được mục tiêu học tập.
<b>Ngày hoàn thiện:</b> 04/9/2025	
<b>Ngày đăng:</b> 04/9/2025	
<b>TỪ KHÓA</b>	
Thực trạng	
Giải pháp	
Ngôn ngữ Trung Quốc	
Ứng dụng	
Phần mềm	

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.12886>

\* Corresponding author. Email: thaotrantpkl@gmail.com

## 1. Giới thiệu

Trong bối cảnh chuyển đổi số toàn cầu, UNESCO [1] đã chỉ ra rằng giáo dục đại học đang chứng kiến sự tích hợp mạnh mẽ của công nghệ thông tin vào quá trình dạy và học, đặc biệt trong lĩnh vực ngôn ngữ. Đối với sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc, việc làm chủ ngoại ngữ không chỉ dừng lại ở phương pháp truyền thống mà cần tận dụng các phần mềm và ứng dụng học tập thông minh để đáp ứng yêu cầu ngày càng khắt khe của thị trường lao động, như Warschauer và Healey [2] đã khẳng định. Nghiên cứu của F. Li và các cộng sự [3] chỉ ra rằng việc ứng dụng công nghệ di động trong giáo dục ngôn ngữ vẫn chưa tận dụng triệt để, dẫn đến hạn chế trong việc phát triển năng lực giao tiếp đa chiều cho sinh viên.

Theo Holec [4], các ứng dụng học ngoại ngữ không chỉ cung cấp bài học tương tác mà còn thúc đẩy năng lực tự học của sinh viên – yếu tố then chốt trong giáo dục hiện đại. Bên cạnh đó, Lomicka và Lord [5] chỉ ra rằng nền tảng mạng xã hội như Facebook, Twitter, Weibo, hay Tiktok đã trở thành “lớp học ảo” giúp sinh viên tiếp cận ngôn ngữ bản địa thông qua giao tiếp đa phương tiện. Tuy nhiên, nghiên cứu của Chen [6] nhấn mạnh rằng việc thiếu chủ động của sinh viên trong môi trường học tập kết hợp điện thoại thông minh có thể làm giảm hiệu quả của quá trình tiếp thu ngôn ngữ.

Tại Trường Đại học Nông-Lâm Bắc Giang (ĐHNLBG), dù sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc có tiếp cận các phần mềm và ứng dụng học ngoại ngữ, việc sử dụng chúng vẫn mang tính tự phát, thiếu định hướng khoa học và chưa được đánh giá toàn diện. Thực trạng này cũng được chỉ ra trong nghiên cứu của Smith và cộng sự [7], có tới 65% sinh viên tại các trường đại học thiếu khả năng điều chỉnh công cụ học tập theo năng lực cá nhân do thiếu mô hình hướng dẫn linh hoạt. Trước thực tế đó, nghiên cứu này nhằm mục tiêu: (1) Phân tích thực trạng sử dụng phần mềm và ứng dụng học ngoại ngữ của sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc, (2) Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ trong học tập, qua đó góp phần lấp đầy khoảng trống nghiên cứu tại các trường đại học địa phương – nhóm đối tượng ít được quan tâm trong các khảo cứu trước đây, như nghiên cứu của Trần Tùng, Nguyễn Hữu Cương và Nguyễn Thị Mỹ Lộc đã chỉ ra [8].

## 2. Cơ sở lý luận và Phương pháp nghiên cứu

### 2.1. Cơ sở lý luận

#### 2.1.1. Định nghĩa

Ứng dụng học ngoại ngữ (Language Learning Application): Theo Latygina và các cộng sự [9], ứng dụng học ngoại ngữ là các chương trình hoặc ứng dụng di động, được cài đặt trên điện thoại thông minh hoặc máy tính bảng, giúp người dùng học ngoại ngữ thông qua các phương pháp tương tác như trò chơi, bài tập luyện, và công cụ hỗ trợ phát âm. Ví dụ như Duolingo, Babbel, hoặc Memrise là các ứng dụng học ngoại ngữ phổ biến.

Phần mềm học ngoại ngữ (Language Learning Software): Theo Karasimos [10], phần mềm học ngoại ngữ thường bao gồm các chương trình cài đặt trên máy tính hoặc nền tảng trực tuyến, cung cấp khóa học, bài tập và tài liệu học tập để giúp người dùng nắm vững ngôn ngữ mới. Phần mềm này có thể tích hợp tính năng nhận diện giọng nói, phân tích ngữ pháp và theo dõi tiến độ học tập. Một số ví dụ điển hình là Rosetta Stone, Pimsleur và Tell Me More.

#### 2.1.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc sử dụng phần mềm và ứng dụng học ngoại ngữ của sinh viên

- Yếu tố khách quan:

Nghiên cứu của Chuang [11] chỉ ra rằng khả năng truy cập Internet ổn định là điều kiện tiên quyết để sử dụng hiệu quả các phần mềm và ứng dụng học ngoại ngữ. Đồng thời, nghiên cứu này cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của việc lựa chọn thiết bị phù hợp (smartphone, máy tính bảng, máy tính) để tối ưu hóa việc sử dụng.

Nghiên cứu của Lin [12] và các cộng sự cho rằng các ứng dụng như LingoDeer cho phép người dùng lựa chọn nội dung phù hợp với trình độ và mục tiêu học tập. Theo Nguyễn Thị Vân An và cộng sự [13], sinh viên cũng được tiếp cận một lượng lớn tài liệu học tập đa dạng và phong

phủ qua các phần mềm và ứng dụng học ngoại ngữ. Nghiên cứu của Nguyễn Ngọc Hương và Nguyễn Minh Huệ [14] cũng cho biết các phần mềm và ứng dụng học ngoại ngữ thường bao gồm các tính năng như phát âm, chỉnh sửa lỗi, và đánh giá tiến độ, giúp sinh viên tự đánh giá và cải thiện kỹ năng ngoại ngữ.

Nhiều sinh viên ưu tiên sử dụng các ứng dụng miễn phí như Duolingo nhưng thường bị giới hạn bởi tính năng cơ bản. Theo Shaikh và cộng sự [15], các tính năng nâng cao như bài học chuyên sâu hoặc không gian thực hành ảo thường yêu cầu trả phí. Điều này làm giảm hiệu quả học tập đối với sinh viên có nguồn tài chính hạn hẹp. Ví dụ, một sinh viên chỉ sử dụng phiên bản miễn phí của Memrise sẽ không thể truy cập các bài học nâng cao hoặc nội dung được cá nhân hóa.

- Yếu tố chủ quan:

Sinh viên có động lực học tập cao thường có xu hướng tận dụng các tính năng nâng cao của ứng dụng như bài kiểm tra, tính năng tương tác, hoặc nội dung học tập chuyên sâu. Kaharuddin [16] cho biết sinh viên sử dụng Duolingo thường xuyên sẽ duy trì được chuỗi ngày học liên tục (streak) nhờ hệ thống thưởng điểm (gamification), giúp gia tăng động lực học tập.

## 2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp điều tra xã hội học qua 2 hình thức:

- Phương pháp khảo sát định lượng: khảo sát qua bảng hỏi trực tuyến.
- Phương pháp nghiên cứu định tính: phỏng vấn sâu trực tiếp.

### 2.2.1. Phương pháp khảo sát định lượng

Trong Giai đoạn 1 (tháng 5/2024), nhóm nghiên cứu tiến hành khảo sát trực tuyến qua Google Forms với bảng hỏi gồm 20 câu chia thành ba phần: thông tin cá nhân, thói quen sử dụng phần mềm và ứng dụng học ngoại ngữ, và đánh giá hiệu quả sử dụng. Mẫu khảo sát được chọn theo phương pháp chọn mẫu thuận tiện, tập trung vào sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc, Trường Đại học Nông-Lâm Bắc Giang, đang theo học từ năm thứ nhất đến năm thứ tư.

Bảng hỏi được phát qua các nhóm Zalo lớp học, giảng viên và mạng lưới cá nhân. Khảo sát thu về 200 phản hồi hợp lệ được đưa vào phân tích. Dữ liệu định lượng được xử lý bằng Google Forms và Microsoft Excel, sử dụng các chỉ số thống kê cơ bản như tổng số phản hồi, tỷ lệ phần trăm, giá trị trung bình.

### 2.2.2. Phương pháp nghiên cứu định tính

Ở Giai đoạn 2 (tháng 6/2024), nhóm nghiên cứu thực hiện 10 cuộc phỏng vấn bán cấu trúc với 06 sinh viên và 04 giảng viên thuộc cùng đối tượng khảo sát. Tiêu chí chọn mẫu là những người có kinh nghiệm sử dụng phần mềm và ứng dụng học ngoại ngữ trong giảng dạy hoặc học tập, sẵn sàng chia sẻ và tham gia phỏng vấn.

Các cuộc phỏng vấn được tiến hành trực tiếp tại khuôn viên trường hoặc trên các lớp học, ghi âm bằng thiết bị di động và phiên âm đầy đủ. Quá trình phân tích dữ liệu định tính gồm các bước: (1) Đọc lặp lại nội dung phiên âm, (2) Mã hóa nội dung theo các từ khóa và cụm chủ đề, (3) Phân loại các chủ đề theo nhóm tương đồng và (4) Trích dẫn đại diện các ý kiến tiêu biểu. Dữ liệu định tính được xử lý thủ công với phương pháp phân tích nội dung nhằm rút ra nhận định và xu hướng từ các phản hồi.

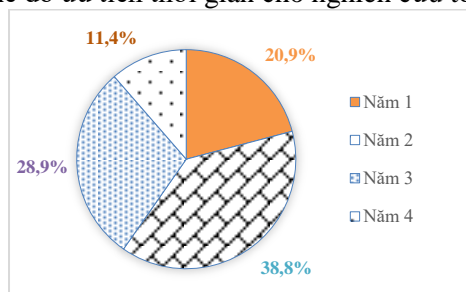
## 3. Kết quả và bàn luận

### 3.1. Thực trạng việc sử dụng các phần mềm và ứng dụng học ngoại ngữ của sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc, Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang

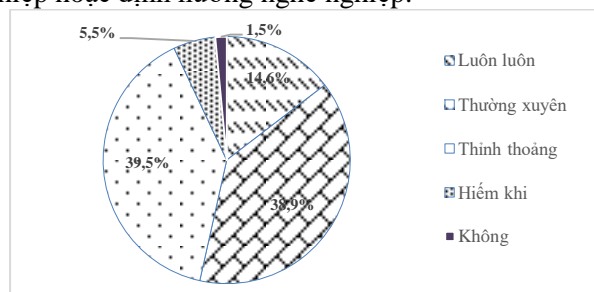
#### 3.1.1. Số lượng sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc, Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang sử dụng các phần mềm và ứng dụng học ngoại ngữ

Theo kết quả khảo sát từ Hình 1, trong tổng số 200 sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc, tỷ lệ sử dụng phần mềm và ứng dụng học ngoại ngữ tập trung cao nhất ở sinh viên năm 2 với 38,8%

và năm 3 là 28,9%, tỷ lệ sinh viên năm 1 chiếm 20,9%. Điều này phản ánh mối liên hệ giữa giai đoạn học tập và tần suất sử dụng công nghệ: sinh viên năm 2-3 sau giai đoạn đầu làm quen đã có động lực và nền tảng ngôn ngữ tốt hơn để tận dụng các ứng dụng hỗ trợ học tập (dẫn theo Nguyễn Ngọc Hường và Nguyễn Minh Huệ [14]). Trái lại, sinh viên năm 4 chỉ chiếm 11,4%, có thể do ưu tiên thời gian cho nghiên cứu tốt nghiệp hoặc định hướng nghề nghiệp.



Hình 1. Tỷ lệ sinh viên sử dụng các phần mềm và ứng dụng học ngoại ngữ

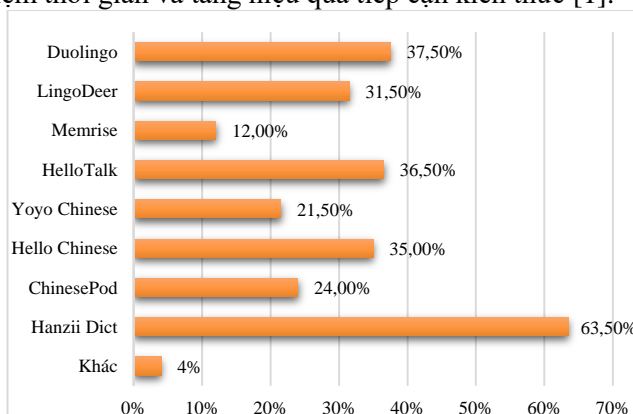


Hình 2. Tần suất sinh viên sử dụng các phần mềm và ứng dụng học ngoại ngữ

3.1.2. Nhận thức của sinh viên, cán bộ giảng viên Trường Đại học Nông-Lâm Bắc Giang về việc sử dụng ứng dụng, phần mềm học ngoại ngữ

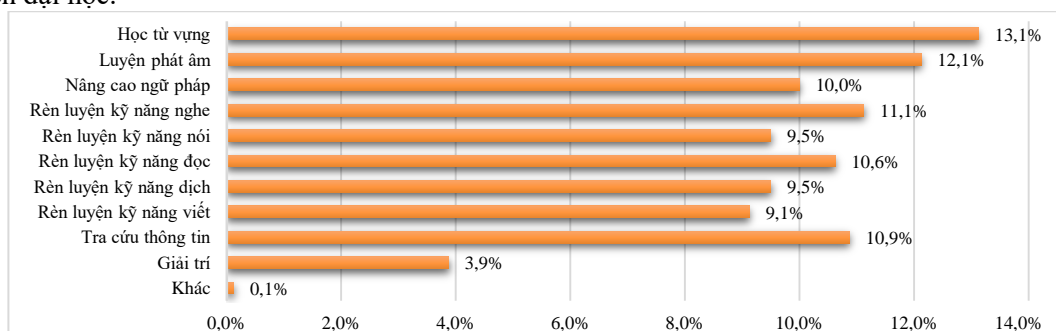
Kết quả khảo sát thu được ở Hình 2 cho thấy 77,6% sinh viên sử dụng ứng dụng, phần mềm học ngoại ngữ ở mức thường xuyên hoặc thỉnh thoảng. Kết quả này phù hợp với xu hướng giáo dục hiện đại khi công nghệ được tích hợp để đáp ứng nhu cầu học tập mở, linh hoạt và tăng cường tính tương tác [14]. Tỷ lệ sinh viên luôn luôn sử dụng (5,5%) tuy thấp nhưng thể hiện tồn tại tại một nhóm nhỏ người học có thói quen học tập chủ động và nhất quán. Nhóm này có thể xem là những người học giàu tính tự chủ, biết tận dụng tối đa lợi ích của các ứng dụng trong thời gian dài, qua đó nhiều khả năng thu được kết quả cao hơn trong rèn luyện kỹ năng theo nghiên cứu của Nguyễn Thị Vân An đã từng đề cập tới [13]. 16,1% sinh viên thuộc nhóm hiếm khi/không sử dụng, trong đó tỷ lệ không sử dụng rất thấp (1,5%), cho thấy hầu hết sinh viên đều nhận thức được vai trò của các ứng dụng, phần mềm trong học tập ngoại ngữ.

Bên cạnh tần suất, nhận thức của sinh viên và giảng viên về hiệu quả của việc sử dụng phần mềm và ứng dụng học ngoại ngữ cũng rất tích cực. Qua phỏng vấn, giảng viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc khẳng định lợi ích thiết thực của các công cụ này so với phương pháp truyền thống. “Việc sử dụng các ứng dụng và phần mềm rất hữu ích cho các bạn sinh viên. Sử dụng từ điển giấy theo phương pháp truyền thống sẽ tốn nhiều thời gian và không có nhiều tính năng hỗ trợ như các phần mềm và ứng dụng học tập bây giờ” (Giảng viên 1). Quan điểm này phản ánh đồng nhất với nhận định của UNESCO về vai trò của công nghệ thông tin trong giáo dục – rằng công nghệ cho phép tiết kiệm thời gian và tăng hiệu quả tiếp cận kiến thức [1].



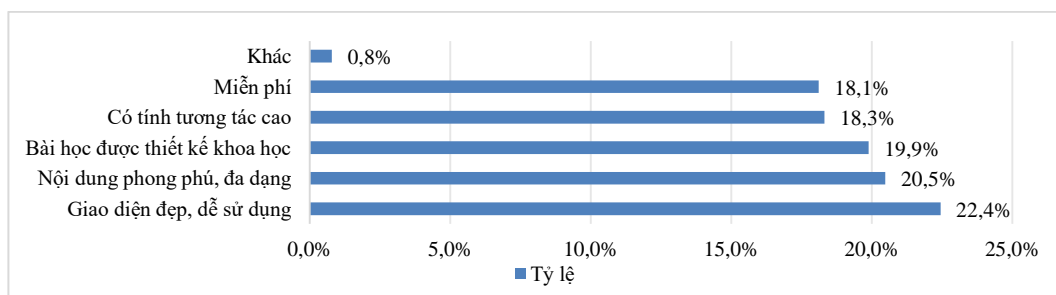
Hình 3. Các phần mềm và ứng dụng học ngoại ngữ sinh viên thường sử dụng

Kết quả khảo sát ở Hình 3 cho thấy sự phân hóa rõ rệt trong việc lựa chọn các phần mềm và ứng dụng học ngoại ngữ của sinh viên. Ứng dụng Hanzii Dict dẫn đầu với 63,5%, phản ánh ưu thế vượt trội nhờ những tính năng chuyên biệt cho người học tiếng Trung như tra cứu Hán tự, phân tích ngữ pháp chi tiết, tích hợp ví dụ thực tế – phù hợp với nhu cầu sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc. Qua phỏng vấn, có sinh viên cho biết “*Em thường dùng Hanzii Dict vì ứng dụng này giúp tra Hán tự nhanh chóng và có ví dụ cụ thể. So với việc dùng từ điển giấy, phần mềm tiết kiệm thời gian hơn nhiều, nhất là khi cần học từ mới cho các môn chuyên ngành*” (Sinh viên 1). Việc sinh viên nhận thức được lợi ích thiết thực (tiết kiệm thời gian, cung cấp ví dụ minh họa, luyện tập tiện lợi) cho thấy một mức độ gắn kết và hứng thú nhất định với công nghệ [9]. Nhóm ứng dụng tiếp theo gồm Duolingo (37,5%), Hello Talk (36,5%), HelloChinese (35%) và LingoDeer (31,5%) cho thấy xu hướng đa dạng hóa công cụ học tập. Trong đó, Duolingo nổi bật nhờ phương pháp gamification (học qua trò chơi), Hello Talk tập trung vào giao tiếp với người bản ngữ, còn HelloChinese và LingoDeer cung cấp lộ trình học có hệ thống. Sự chênh lệch tỷ lệ sử dụng giữa các ứng dụng này ( $\pm 6\%$ ) cho thấy sinh viên có xu hướng kết hợp nhiều công cụ để bù trừ điểm mạnh/yếu của từng ứng dụng, phần mềm. “*Em kết hợp Duolingo và Hello Talk để vừa học ngữ pháp qua game, vừa thực hành giao tiếp với bạn bè Trung Quốc. Cách này giúp em không bị nhàm chán và cân bằng được cả kỹ năng đọc – nói*” (Sinh viên 2). Chiến lược này cho thấy sinh viên ý thức về việc đa dạng hóa nguồn học, tận dụng ưu thế mỗi ứng dụng (Duolingo với mô hình gamification tạo hứng thú, HelloTalk với môi trường tương tác thật với người bản ngữ) nhằm duy trì động lực học tập. Cách tiếp cận chủ động, linh hoạt này được xem là một điểm tích cực, phù hợp với khuyến nghị về việc kết hợp cả yếu tố hứng thú cá nhân lẫn tương tác xã hội trong học ngoại ngữ qua di động [3]. Các ứng dụng như ChinesePod, Yoyo Chinese và Memrise chiếm tỷ lệ thấp hơn (<30%), có thể do hạn chế về tính năng chuyên sâu cho việc học ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Trung hoặc thiếu chiến lược marketing phù hợp với đối tượng sinh viên đại học.



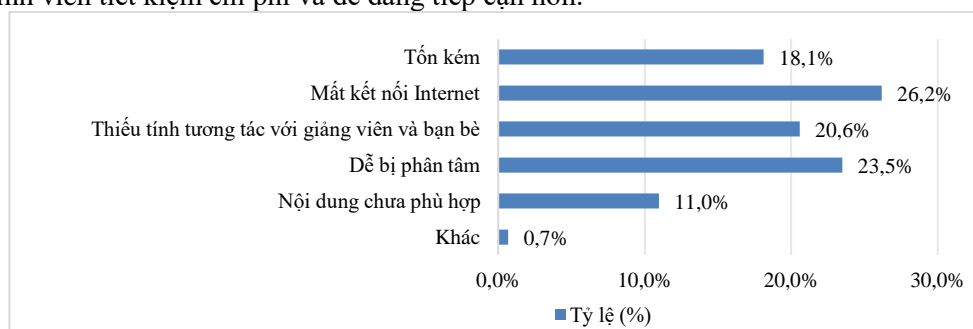
Hình 4. Mục đích sinh viên sử dụng phần mềm và ứng dụng học ngoại ngữ

Dữ liệu khảo sát từ Hình 4 cho thấy sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc sử dụng phần mềm và ứng dụng học ngoại ngữ nhiều nhất mục đích học từ vựng (13,1%), phản ánh nhu cầu trau dồi vốn từ vựng cho giao tiếp và đọc hiểu văn bản; 12,1% sinh viên sử dụng phần mềm và ứng dụng học ngoại ngữ để luyện phát âm, cho thấy tầm quan trọng của việc luyện tập phát âm chuẩn trong giao tiếp thực tế, đặc biệt với ngôn ngữ có thanh điệu như tiếng Trung. 11,1% sinh viên sử dụng cho mục đích rèn luyện kỹ năng nghe và 10,6% sử dụng để luyện kỹ năng đọc, cho thấy xu hướng học tập chú trọng kỹ năng tiếp thu thụ động (receptive skills) của sinh viên. Ngoài ra, 10,9% sinh viên sử dụng các phần mềm và ứng dụng như một công cụ hỗ trợ nghiên cứu, tra cứu thông tin, tìm kiếm ngữ cảnh sử dụng từ vựng hoặc cấu trúc ngữ pháp. Mục đích sử dụng cho các kỹ năng nói, dịch và viết thấp hơn (nói: 9,5%, dịch: 9,5%, viết: 9,1%) cho thấy các kỹ năng chủ động (productive skills) ít được tập trung, có thể do hạn chế trong thiết kế phần mềm và ứng dụng hoặc khó khăn khi trong quá trình tự học ngoại ngữ. Chỉ có 3,9% sinh viên sử dụng cho mục đích giải trí và 0,1% cho mục đích khác, khẳng định mục đích chính khi sử dụng phần mềm và ứng dụng học ngoại ngữ của sinh viên là học tập chứ không phải giải trí.



**Hình 5.** Lý do sinh viên chọn sử dụng phần mềm và ứng dụng học ngoại ngữ

Kết quả nghiên cứu từ Hình 5 cho thấy 22,4% sinh viên sử dụng các phần mềm và ứng dụng học ngoại ngữ là do giao diện đẹp, dễ sử dụng. Điều này cho thấy sinh viên đang ngày càng quan tâm đến giao diện và trải nghiệm người dùng. Một giao diện trực quan, thân thiện và dễ điều khiển sẽ giúp sinh viên tiếp cận kiến thức một cách nhanh chóng và dễ dàng hơn. Các lý do khác như nội dung phong phú, đa dạng và bài học được thiết kế đa dạng lần lượt chiếm tỷ lệ 20,5% và 19,9%. Việc cung cấp các cấu trúc bài học, chủ đề, bài tập đa dạng, rõ ràng, logic và được thiết kế theo một lộ trình học tập khoa học sẽ giúp sinh viên tiếp thu kiến thức một cách hiệu quả. Lý do có tính tương tác cao chiếm 18,3% cho thấy sinh viên mức độ quan tâm tới sự tương tác trong ứng dụng không quá cao. Lý do miễn phí lại chỉ chiếm 46% dù cho đây là một yếu tố quan trọng giúp sinh viên tiết kiệm chi phí và dễ dàng tiếp cận hơn.



**Hình 6.** Khó khăn khi sử dụng phần mềm và ứng dụng học ngoại ngữ của sinh viên

Theo kết quả khảo sát từ Hình 6, 26,2% sinh viên gặp khó khăn khi sử dụng phần mềm và ứng dụng học ngoại ngữ do rào cản kỹ thuật cụ thể như mất kết nối Internet, cho thấy hạ tầng công nghệ ổn định là yếu tố quan trọng để học tập qua phần mềm và ứng dụng. Qua phỏng vấn, giảng viên Trường ĐHNLBG cũng cho biết “*Khi lên lớp, do không có WiFi, sinh viên ít sử dụng được ứng dụng, phần mềm học ngoại ngữ. Đa số các em dùng dữ liệu 4G trên điện thoại di động để truy cập, nhưng chất lượng kết nối thường không đảm bảo.*” (Giảng viên 2). Các yếu tố như thông báo từ ứng dụng khác hoặc tiếng ồn từ môi trường xung quanh khiến 23,5% sinh viên dễ bị phân tâm và mất tập trung trong quá trình học ngoại ngữ bằng các phần mềm và ứng dụng. Mặc dù hiện tại có nhiều nền tảng mạng xã hội có tính kết nối cao như Tiktok, Facebook nhưng lại không chuyên sâu về học ngoại ngữ. Do đó, như phân tích ở phần trên, sinh viên có xu hướng sử dụng các ứng dụng có tính năng chuyên biệt, tuy nhiên, các nền tảng đa phần chưa tích hợp tính năng tương tác trực tuyến, kết nối các tài khoản người dùng, khiến 20,6% sinh viên gặp khó khăn trong tương tác trực tiếp để giải đáp thắc mắc và trao đổi kiến thức với thầy cô, bạn bè. Bên cạnh đó, nhiều phần mềm và ứng dụng yêu cầu trả phí sau thời gian dùng thử ngắn (7 ngày), gây khó khăn cho 18,1% sinh viên có điều kiện tài chính hạn hẹp. 11% sinh viên cho rằng nội dung của nhiều ứng dụng, phần mềm còn chưa phù hợp, thiếu hụt tài liệu chuyên ngành hoặc lộ trình học cá nhân hóa cho người học. Cuối cùng, có 0,7% sinh viên đề cập đến các vấn đề khác như thiết bị không tương thích hoặc giao diện phức tạp.

### **3.2. Đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả việc sử dụng các phần mềm và ứng dụng học ngoại ngữ**

#### **3.2.1. Đối với sinh viên**

Hiện nay có rất nhiều phần mềm, ứng dụng học ngoại ngữ phổ biến như Duolingo, HelloTalk, Hanzzi Dict, Memrise,... sinh viên cần tìm hiểu và lựa chọn ứng dụng phù hợp với trình độ ngoại ngữ cũng như nhu cầu học tập của mình thông qua việc thử nghiệm ít nhất 3-5 ứng dụng trong thời gian 1-2 tuần để đánh giá tính phù hợp. Kết hợp sử dụng nhiều phần mềm, ứng dụng khác nhau theo lịch trình cụ thể cũng có thể đa dạng hóa phương pháp học tập và khai thác tối đa ưu điểm của từng nền tảng. Quan trọng hơn cả là duy trì tính thường xuyên và kỷ luật trong việc sử dụng các ứng dụng ít nhất 30-45 phút mỗi ngày, thiết lập nhắc nhở hàng ngày trên điện thoại để biến việc học ngoại ngữ thành một thói quen tích cực trong cuộc sống hàng ngày. Ngoài ra, sinh viên cần phải xác định rõ ràng mục tiêu học tập theo phương pháp SMART (cụ thể, có thể đo lường, khả thi, phù hợp, có thời hạn) khi sử dụng các phần mềm, ứng dụng học tập, cụ thể như cải thiện 200 từ vựng mới trong 1 tháng, nâng cao kỹ năng giao tiếp qua 10 cuộc trò chuyện mỗi tuần, hoặc hoàn thành 3 bài đọc hiểu mỗi ngày. Sinh viên cũng có thể kết hợp khai thác công cụ AI như ChatGPT, ELSA Speak, QuillBot để luyện phát âm chuẩn với phản hồi thời gian thực, tạo bài tập cá nhân hóa theo trình độ hoặc mô phỏng hội thoại với chatbot đa ngữ. Cuối cùng, sinh viên cần thường xuyên theo dõi tiến độ học tập của mình thông qua việc ghi chép nhật ký học tập hàng tuần, sử dụng tính năng thống kê của ứng dụng và không ngần ngại điều chỉnh kế hoạch khi thấy cần thiết để đảm bảo mục tiêu đạt được một cách hiệu quả nhất.

#### **3.2.2. Đối với nhà trường**

Nhà trường cần xem xét kỹ mục tiêu và nhu cầu của sinh viên thông qua việc khảo sát ít nhất 6 tháng một lần bằng bảng hỏi trực tuyến và phỏng vấn nhóm để lựa chọn những phần mềm và ứng dụng phù hợp với trình độ và yêu cầu của chương trình học. Bên cạnh đó, việc tạo ra một môi trường học tập tích cực thông qua việc trang bị WiFi tốc độ cao, khu vực học tập yên tĩnh và các thiết bị hỗ trợ là yếu tố quan trọng giúp sinh viên có thể tự học, tự nghiên cứu và thực hành với các công cụ hỗ trợ này. Nhà trường cần tổ chức các khóa đào tạo 4-6 tiếng trong 2 buổi giúp sinh viên nắm vững cách sử dụng các tính năng cơ bản và nâng cao, thiết lập tài khoản cá nhân cũng như khai thác tối đa các công cụ hỗ trợ học ngoại ngữ thông qua hướng dẫn thực hành trực tiếp. Ngoài ra, nhà trường cũng nên kiểm tra và đánh giá thường xuyên 3 tháng một lần hiệu quả của các phần mềm và ứng dụng đối với kết quả học tập thông qua điểm số kiểm tra và mức độ hài lòng của sinh viên qua phiếu đánh giá trực tuyến. Đồng thời, cập nhật và nâng cấp phần mềm hàng quý, tổ chức họp đánh giá hiệu quả 6 tháng một lần để đảm bảo hiệu quả của việc sử dụng các phần mềm, ứng dụng học ngoại ngữ. Việc tăng cường hợp tác và chia sẻ giữa các trường học, tổ chức giáo dục và chuyên gia thông qua việc ký kết ít nhất 3-5 hợp tác mỗi năm cũng đóng vai trò then chốt. Việc hợp tác này sẽ tạo nên một mạng lưới hỗ trợ mạnh mẽ, giúp tối ưu hóa việc ứng dụng công nghệ vào quá trình học tập.

### **4. Kết luận**

Thực trạng sử dụng các phần mềm và ứng dụng học ngoại ngữ của sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc tại Trường Đại học Nông-Lâm Bắc Giang cho thấy nhiều sinh viên đã khai thác hiệu quả các phần mềm và ứng dụng học ngoại ngữ, cho thấy tiềm năng lớn trong việc nâng cao năng lực ngôn ngữ nếu được hướng dẫn và hỗ trợ đúng cách. Nghiên cứu đã đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng phần mềm và ứng dụng học ngoại ngữ, từ đó đề xuất các giải pháp cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng. Những biện pháp được đề xuất trong nghiên cứu này sẽ là cơ sở hữu ích để giảng viên và sinh viên tham khảo, áp dụng vào giảng dạy và học tập. Qua đó, từng bước cải thiện hiệu quả ứng dụng công nghệ trong học và dạy, giúp sinh viên tích cực hơn trong việc tự học và phát triển kỹ năng ngoại ngữ của mình.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] UNESCO, "The role of information technology in education: Integration into teaching and learning," pp. 12-15, 2021. [Online]. Available: <https://unesdoc.unesco.org/>. [Accessed May 14, 2025].
- [2] M. Warschauer and D. Healey, "Computers and language learning: An overview," *Language Teaching*, vol. 31, no. 2, pp. 57-71, 1998, doi: 10.1017/S0261444800012970.
- [3] F. Li, S. Fan, and Y. Wang, "Mobile-assisted language learning in Chinese higher education context: A systematic review from the perspective of the situated learning theory," *Education and Information Technologies*, vol. 27, pp. 9665-9688, 2022, doi: 10.1007/s10639-022-11025-4.
- [4] H. Holec, *Autonomy and Foreign Language Learning*. Oxford, U.K.: Pergamon Press, 1981.
- [5] L. Lomicka and G. Lord, "Social networking and language learning," in *The Routledge Handbook of Language Learning and Technology*, F. Farr and L. Murray, Eds. London, U.K: Routledge, 2016, pp. 255-268.
- [6] Z. Z. Chen, W. C. Chen, J. Y. Jia, and H. L. An, "The effects of using mobile devices on language learning: A meta-analysis," *Educational Technology Research and Development*, vol. 68, no. 4, pp. 1769-1789, 2020.
- [7] S. Kontrimiene, V. Venslovaitė, S. Alisauskiene, and L. Kaminskiene, "Implementing the Personalised Learning Framework in University Studies: What Is It That Works?" *Acta Paedagogica Vilnensia*, vol. 47, no. 5, pp. 108-121, 2021, doi: 10.15388/ActPaed.2021.47.9.
- [8] T. Tran, C. H. Nguyen, and L. T. M. Nguyen, *Educational innovation in Vietnam: Opportunities and challenges of the Fourth Industrial Revolution*. Routledge, 2023, pp. 40-55.
- [9] A. Latygina, I. Zvarych, N. Latygina, and O. Dubinina, "The role of mobile applications in a foreign language learning," *International Journal of Language Education*, vol. 8, no. 2, pp. 123-135, 2023.
- [10] A. Karasimos, "The battle of language learning apps: a cross-platform overview (RPLTL12)," *Proceedings of the RPLTL12 Conference, 2022*, pp. 12-25.
- [11] H. Y. Chuang, "Mobile assisted language learning APPs for the Chinese classroom," *Journal of Technology and Chinese Language Teaching*, vol. 7, no. 2, pp. 1-16, 2016.
- [12] C. H. Lin, M. Warschauer, and R. Blake, "Language learning through social networks: Perceptions and reality," *Language Learning & Technology*, vol. 20, no. 1, pp. 124-147, 2016.
- [13] A. T. V. Nguyen and K. K. C. Le, "Experimental study of Audacity software application in teaching listening and speaking skills of English lecturers at Hue University of Foreign Languages," (in Vietnamese), *Journal of Linguistics and Culture Science*, vol. 4, no. 3, pp. 297-307, 2020.
- [14] H. N. Nguyen and H. M. Nguyen, "Expanding self-study environment for Chinese students through multimedia technology applications a necessary trend to improve training quality," (in Vietnamese), *Journal of Science and Technology, Hung Vuong University*, vol. 24, no. 3, pp. 37-44, 2020.
- [15] Z. Shaikh *et al.*, "Effects of language apps on ESL learners," *Journal of Educational Technology Systems*, vol. 41, no. 2, pp. 123-145, 2012.
- [16] A. Kaharuddin, "Integrating technology in language learning," *Journal of Applied Linguistics*, vol. 10, no. 2, pp. 45-58, 2020.